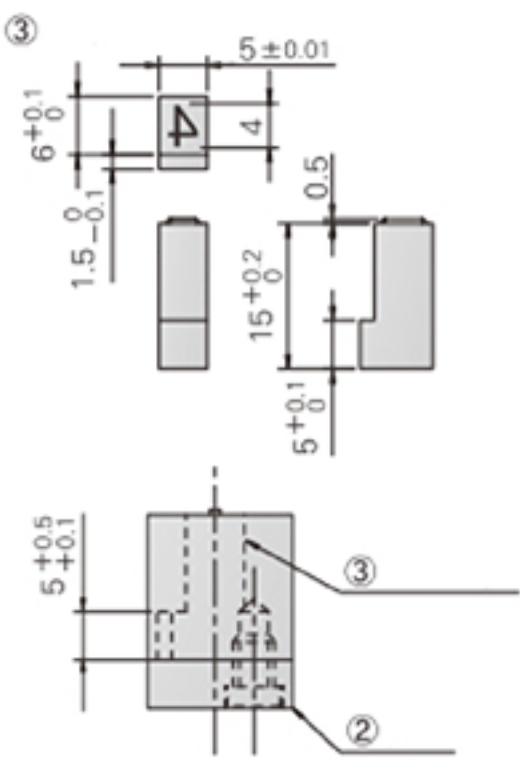
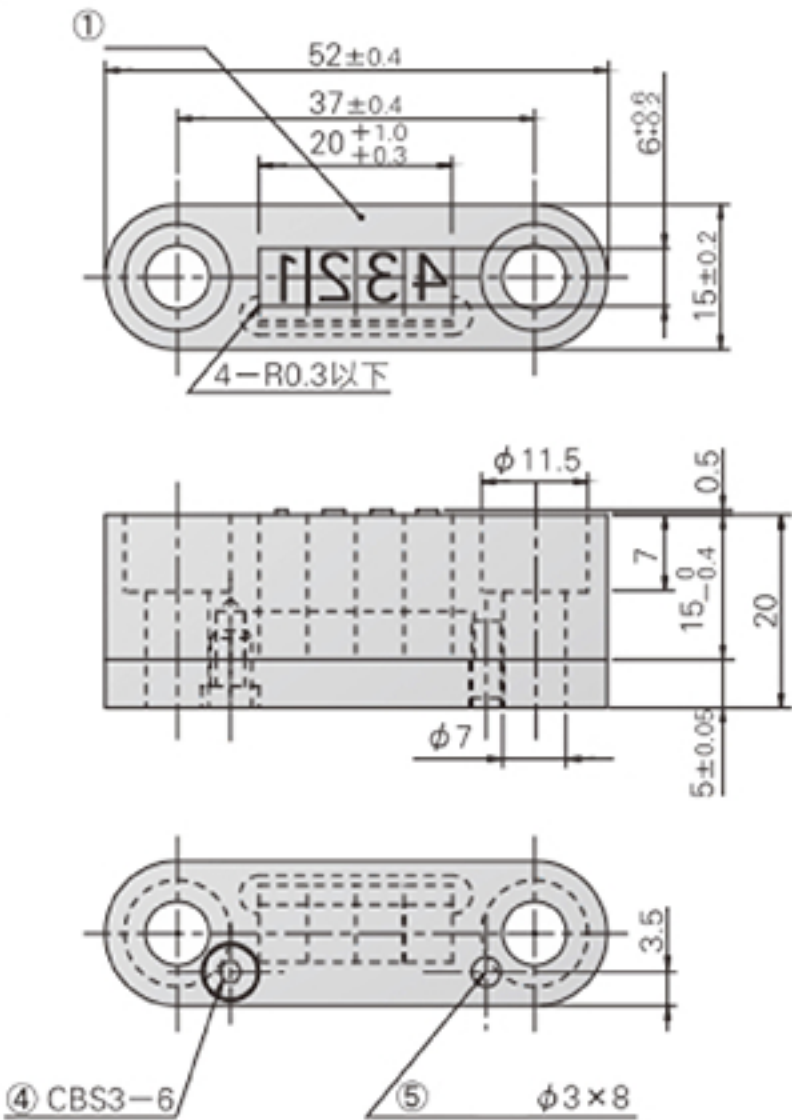


WHCFPH4
WHCFS4



Catalog No.	①	②	③	④	⑤
WHCFPH4	○	○	○	○	○
WHCFS4			○		

(M6).

- ① 材质 S45C
硬度
- ② 材质 SK4
硬度 58-62HRC
- ③ 材质 SKD11
硬度 60-63HRC

ORDER

Catalog No. - CHR
WHCFS4 - X

Catalog No.	CHR
Type	
WHCFPH4	-
WHCFS4	0123456789 XYZ



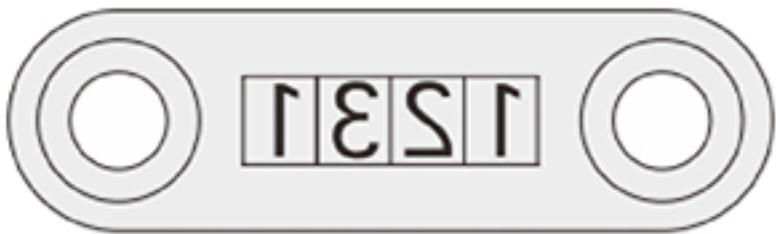


 **ORDER** Catalog No.
W34SET -YMDD-HCFS4

202 W34SET -YMDD-HCFS4

CHR	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	X	Y	Z	↑
-	2	4	4	3	3	3	3	3	3	3	1	1	1	34

 (X:10 Y:11 Z:12)



 **ORDER** Catalog No.
W23SET - MMDD - HCFS4

01/01~12/31 W23SET - MMDD - HCFS4

CHR	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	↑
↑	2	4	3	2	2	2	2	2	2	2	23

ex.  Example

